

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TP.HCM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1072/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2026

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thục Nghi.

2. Bà Võ Trần Thanh Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Bảo Ngân – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.*

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 833/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2215/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thu B**, sinh năm: 1991; Số CCCD: 094191000039; Địa chỉ: Phòng số H, Nhà T, ấp D, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Mạnh C**, sinh năm: 1983; CCCD: 079083014453; Địa chỉ: Phòng số E, Nhà T, ấp D, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 06/4/2026, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu B trình bày:

Bà và ông Nguyễn Mạnh C tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn số 54 ngày 06/6/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi kết hôn, bà và ông C về sống tại 2 H, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng từ khi sinh con thứ hai thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, ông C không

chăm lo làm ăn, không phụ giúp trong việc chăm sóc, nuôi dạy con. Bà cùng gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng không có kết quả, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân, bà yêu cầu giải quyết cho bà ly hôn với ông C.

- Về con chung, quá trình chung sống bà và ông C chung sống có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 12/11/2012 và Nguyễn Trâm Hoa M, sinh ngày 09/12/2014. Hiện 02 con đang do ông C chăm sóc. Khi ly hôn, bà đề nghị giao 02 con chung cho ông C tiếp tục chăm sóc. Bà sẽ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng/1 con đến khi các con lần lượt thành niên. Bà sẽ cấp dưỡng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/6/2026.

- Về tài sản chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 12/05/2026 – bị đơn ông Nguyễn Mạnh C trình bày:*

Ông và bà Phạm Thị Thu B chung sống với nhau từ năm 2012, được Ủy ban nhân dân Phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/6/2012. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà có những tranh cãi nhỏ xảy ra nhưng không căng thẳng, đến năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng nhất, nguyên nhân là do ông bắt gặp bà T Ba đang ở trong khách sạn với người đàn ông khác. Từ năm 2024 cho đến nay ông và bà Thu B sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng khó hàn gắn, vì vậy ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Thu B.

- Về con chung, ông và bà T Ba chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 12/11/2012 và Nguyễn Trâm Hoa M, sinh ngày 09/12/2014. Từ khi ông và bà T Ba sống ly thân thì các con đều do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy khi ly hôn ông có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Ông thống nhất việc bà Thu B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu. Ông thống nhất việc bà Thu B cấp dưỡng nuôi con vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/6/2026 cho đến khi các con lần lượt thành niên.

- Về tài sản chung, ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Mạnh C, vì vậy đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Mạnh C hiện đang cư trú tại Phòng số E7, Nhà trọ F, ấp D, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Do nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 54 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 06/6/2012 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Thu B và ông C là hôn nhân hợp pháp được quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5] Theo trình bày của bà Thu B và ông C thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, từ năm 2024 cho đến nay sống ly thân. Vì vậy, bà Thu B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C và ông C cũng đồng ý ly hôn với bà Thu B.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo trình bày của bà Thu B và ông C thì mục đích hôn nhân giữa bà Thu B và ông C đã không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, bà T Ba yêu cầu ly hôn đối với ông C hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà Thu B và ông C xác nhận có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 12/11/2012 và Nguyễn Trâm Hoa M, sinh ngày 09/12/2014. Hiện cháu Trâm A và cháu Hoa M đang do ông C chăm sóc. Bà Thu B và ông C đều thống nhất cháu Nguyễn Ngọc Trâm A và cháu Nguyễn Trâm Hoa M cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại Văn bản trình bày nguyện vọng cháu Nguyễn Ngọc Trâm A và cháu Nguyễn Trâm Hoa M muốn được tiếp tục ở với ông C.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Trâm A và cháu Nguyễn Trâm Hoa M cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng là thỏa đáng.

Về cấp dưỡng, ghi nhận việc bà Thu B và ông C thống nhất với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng mà bà Thu B đưa ra. Vì vậy, bà Thu B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Trâm A và cháu Nguyễn Trâm Hoa M mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu, thực hiện vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/6/2026 cho đến khi các cháu lần lượt thành niên.

[8] Về tài sản chung: Bà Thu B và ông C cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà Thu B và ông C cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Phạm Thị Thu Ba P chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án);

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu B đối với bị đơn ông Nguyễn Mạnh C về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu B được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh C. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu B và ông Nguyễn Mạnh C chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 54 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 06/6/2012 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Phạm Thị Thu B và ông Nguyễn Mạnh C cùng xác nhận có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 12/11/2012 và Nguyễn Trâm Hoa M, sinh ngày 09/12/2014. Hiện cháu cháu Nguyễn Ngọc Trâm A và cháu Nguyễn Trâm Hoa M đang do ông Nguyễn Mạnh C chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao hai con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 12/11/2012 và Nguyễn Trâm Hoa M, sinh ngày 09/12/2014 cho ông Nguyễn Mạnh C tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà Phạm Thị Thu B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Trâm A và cháu Nguyễn Trâm Hoa M mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho mỗi cháu, thực hiện vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/6/2026 cho đến khi các cháu lần lượt thành niên.

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bà Phạm Thị Thu B thực hiện việc cấp dưỡng theo quyết định thì ông Nguyễn Mạnh C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc bà Phạm Thị Thu B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi ông Nguyễn Mạnh C có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Phạm Thị Thu B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Phạm Thị Thu B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thu B và ông Nguyễn Mạnh C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Phạm Thị Thu B và ông Nguyễn Mạnh C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu B chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Phạm Thị Thu B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0025681 ngày 22/4/2026 Thi hành án Dân sự Thành phố H. Bà Phạm Thị Thu B còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu B và bị đơn ông Nguyễn Mạnh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM (1);
- VKSND KV10-TP . HCM (2);
- THADS TP . HCM (1);
- UBND P. Chánh Hưng, TP . HCM (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).



Trần Thị Hồng Cẩm